

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 671/2024/HS-ST

Ngày: 12/12/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đậu Thị Mỹ Long

2. Ông Phan Anh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Lê Duy Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 669/2024/HSST ngày 14 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 669/2024/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

Lê Văn L, sinh ngày 01/10/1986 tại Đồng Nai.

Nơi đăng ký thường trú: tổ E, ấp D, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai; Nơi ở hiện tại: G, tổ H, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Lê Văn T, sinh năm 1957 (đã chết)** và **Đinh Thị T1, sinh năm 1958**; bị cáo là con thứ bốn trong gia đình có 06 anh chị em; bị cáo chưa có vợ con; tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 21/9/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm tù giam về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/3/2023; (chưa được xóa án tích).

Nhân thân:

Ngày 26/8/2005 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 05 năm tù giam về tội “Cố ý gây thương tích”, đã chấp hành xong hình phạt;

Ngày 18/12/2017 bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm tù giam về tội Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong hình phạt;

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 05/08/2024. Hiện bị đang tạm giam tại Trại tạm giam B5 Công an tỉnh Đ.

- Bị hại: Anh Bùi Hữu Y, sinh năm 1998.

Địa chỉ: G, tổ H, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bị cáo có mặt; bị hại có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn L là người thuê phòng trọ của bà Trần Lệ T2 ở tại địa chỉ G, tổ H, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Vào khoảng 17 giờ 00 phút ngày 04/08/2024, L quan sát dưới chân cầu thang của dãy nhà trọ trên có dựng nhiều xe mô tô, không có người trông coi nên L nảy sinh ý định trộm cắp. Thực hiện ý định trên, L lén lút tiếp cận chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu xanh lục đen, biển số 60R6-0838 của anh Bùi Hữu Y (sinh năm 1998, nơi đăng ký thường trú: số A, ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang) là người ở cùng dãy trọ với L, thấy xe không khóa cổ nên L dắt chiếc xe trên ra khỏi dãy trọ rồi tiếp tục dắt đi tìm nơi để bán nhưng không bán được. Đến khoảng 20 giờ 00 phút cùng ngày, biết được hành vi trộm cắp của mình đã bị phát hiện nên L đã đến Công an phường T đầu thú và giao nộp chiếc xe trên. Sau đó, vụ việc được Công an phường T lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B khởi tố, điều tra xử lý.

- Vật chứng vụ án gồm:

01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu xanh lục đen, biển số 60R6-0838, tạm giữ của bị can L, là tài sản của anh Bùi Hữu Y bị trộm cắp nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại cho anh Y.

01 USB lưu trữ file hình ảnh thu giữ được tại khu vực hiện trường vụ án. Lưu kèm theo hồ sơ vụ án.

- Tại bản Kết luận định giá tài sản số 257/KL-HĐĐGTS ngày 07/08/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: “Một 01 xe mô tô, gắn biển số 60R6-0838” trị giá 3.500.000đ (Ba triệu, năm trăm nghìn đồng).

* Về dân sự: Bị hại anh Bùi Hữu Y không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Tại Cáo trạng số: 655/CT-VKSVC ngày 13/11/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã truy tố bị cáo Lê Văn L về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 12 đến 14 tháng tù.

Về dân sự bị hại không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai và hối hận về hành vi của mình xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra, bị cáo, bị hại và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về căn cứ buộc tội: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi của bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung bản cáo trạng mô tả hành vi của bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã truy tố. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận, khoảng 17 giờ 00 phút ngày 04/08/2024, tại dãy nhà trọ địa chỉ số G, tổ H, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, Lê Văn L đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu xanh lục đen, biển số 60R6-0838 của anh Bùi Hữu Y thì bị phát hiện, khởi tố điều tra xử lý. Tại bản Kết luận định giá tài sản số 257/KL-HĐĐGTS ngày 07/08/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B trị giá 3.500.000đ (Ba triệu, năm trăm nghìn đồng). Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và phù hợp với tất cả tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Trách nhiệm hình sự và hình phạt: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo

vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người đã trưởng thành và nhận thức được hành vi mà bị cáo thực hiện là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện; Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt nghiêm đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội và răn đe phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; ngoài ra bị cáo đầu thú. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn L 01 (một) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 05/08/2024.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án

trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Biên Hòa;
- Sở Tư pháp;
- VKSND tỉnh;
- TAND
tỉnh;

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Tuấn